



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: _____

IV#: _____

VEWL.#: _____

I-171: Y N

EXIT VISA.#: _____

* WIDOW OF FORMER POLITICAL PRISONER *
* REGISTRATION FORM *
* (Two Copies) *

The purpose of this form is to identify WIDOWS AND UNMARRIED CHILDREN of former re-education camp prisoners who died while being detained in the camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. WIDOW APPLICANT IN VIETNAM NGUYEN KIM SANG
Last Middle First

Current Address 11/1 Lê Văn Linh Cx Trúc Giang F.01. Q.4 TPHCM.

Date of Birth 05/21/42 Place of Birth Phước Ninh

2. NAME OF FORMER RE-EDUCATION CAMP PRISONER WHO DIED IN THE CAMP (HUSBAND/
TRAN VAN THONG (10/10/35) FATHER)

Previous Occupation (before 1975) Major
(Rank & Position)

TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP -- Dates: From 06/15/75 ^{died in prison} To DEATH DATE 08/14/81

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name

Address & Telephone

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone	Relationship
---------------------------	--------------

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

ĐO HOI VU
PHAN CUC QL TRAI GIAM
Trại cải tạo Tân Hiệp

QUẢN LÝ - BẢO - TÌM

-T-

Kính gửi: UBND phường: 13 Quận 4 TP Hồ Chí Minh
Của gia đình thân nhận của:



Họ tên phạm nhân: Trần Văn Thông Tuổi: 46
Sinh quán: Quảng Nam
Trú quán: 41/1 Lê Văn Ung Q4 TP Hồ Chí Minh
Cm công:
Cm bảo:
Ngày tử: 15/06/1981
Cm tử: Thiếu tá nguy
Ngày bị bệnh: Tháng 02/1981
Chẩn đoán lúc chết: lao phổi + viêm gan
Ngày chết: 11/06/1981
Chết tại bệnh xá trại cải tạo Tân Hiệp. Bệnh viện Đông Nai
Lúc chết hiện ở: Bệnh viện Đông Nai

Vật chứa + di báo để gia đình và gia đình biết của xin xác về chôn cất
đem liên hệ với:

Bệnh viện Đông Nai

Trong vòng 24 giờ, kể từ ngày báo, nếu không có gì đến nhận sẽ
nhờ nghĩa xã thành phố chôn cất.

Ngày 14 tháng 8 năm 1981

Bệnh xá Trưởng .

Nguyễn

Nguyễn tại Ngọc Dung



KHAI SANH

Số hiệu 1519

Tên họ su nhĩ TRẦN-QUANG-THIỆT
 Phái Nam
 Sinh ngày hai mươi chín tháng ba năm một ngàn
 Ngày, tháng, năm chín trăm sáu mươi chín (29.3.1969)
 Tại Hội-Thương Hội-Phủ, Lê-Trung, Pleiku
 Cha TRẦN-VAN-THÔNG
 Tên họ
 Tuổi 1935
 Nghề-nghiep Quân nhân
 Cư trú tại KBC.4.575
 Mẹ NGUYỄN-KIM-SANG
 Tên họ
 Tuổi 1942
 Nghề-nghiep Hội-trợ
 Cư trú tại Hội-Thương Hội-Phủ, Lê-Trung, Pleiku
 Vợ Quỳnh
 Tên họ
 Người khai TRẦN-VAN-THÔNG
 Tuổi 1935
 Nghề-nghiep Quân nhân
 Cư trú tại KBC.4.575
 Ngày khai ngày mười tháng tư năm một ngàn chín trăm
sáu mươi chín (10.4.1969)
 Người chứng thứ nhất TL. Bắc-Sĩ NTT NGUYỄN-THỊ-VĨNH
 Tên họ
 Tuổi Bảo sanh viện quân-quản li cấp
 Nghề-nghiep chứng sanu số 441 ngày 29.3.1969
 Cư trú tại (an lý)
 Người chứng thứ nhì /
 Tên họ /
 Tuổi /
 Nghề-nghiep /
 Cư trú tại /

TRÍCH-LỤC Ý BỐ

Huỷ ngày 22 tháng 4 năm 1969
 CHỦ-TỊCH ỦY-VIÊN HỘ-TỊCH



PHAN-ĐÌNH-KHEN

Lập tại Hội-Thương Hội-Phủ ngày 10.04 năm 1969
 Người khai, Ủy-viên Hộ-tịch Nhân chứng,

TRẦN-VAN-THÔNG
 (Ký tên)

PHAN-ĐÌNH-KHEN
 (an lý)

MONTREAL ngày 1-12-1988
Kính thưa Bà CHỦ TỊCH
HỘI GIADINH TỰ NHÂN
CHÍNH TRỊ VIỆT NAM.

Tôi xin giới thiệu đây hồ sơ
của bà NGUYỄN KIM SANG
vợ của cựu Thiếu tá
TRẦN VĂN THƯỜNG, đã bị cưỡng
táp và chết tại Trại TÂN -
HỆP Bleutha - ngày 10-8-1981
để xin Bà giúp đỡ cho
gia đình Tự do này sớm
được Tự do.

Trân trọng,

Uwul

NGUYỄN TRUNG TỰ

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH HAY THÀNH-PHỐ

Long-An

QUẬN:

Tỉnh-Phước

XÃ:

Bình-Lập

Số hiệu:

95

Tên, họ người chồng

Trần-văn-Thông

nghề-nghiep

Quản nhân

sinh ngày

10

tháng

10

năm

1935

tại

Cần-Pho

(Quang-Nam)

cư-sở tại

tạm-trú tại

KNC 4264 xã Bình-Lập

Tên, họ cha chồng

Trần-văn-Sanh (sống)

(Sống chết phải ghi rõ)

Tên, họ mẹ chồng

Tào-thị-Bà (sống)

(Sống chết phải ghi rõ)

Tên, họ người vợ

Nguyễn-kim-Sang

nghề-nghiep

Nội-trợ

sinh ngày

21

tháng

5

năm

1942

tại

Phước-Sơn (Gia-Ng)

cư-sở tại

tạm-trú tại

KNC 4264 xã Bình-Lập

Chứng thật chữ ký tên của
hậu-viễn Hộ-Tịch dưới đây
Bình-Lập ngày 7-5-1964

Đại-Diện-Là

Tên, họ cha vợ

(Sống chết phải ghi rõ)

Tên, họ mẹ vợ

(Sống chết phải ghi rõ)

Ngày cưới

Nguyễn-văn-Diễn (sống)

Nguyễn-thị-Nhàn (chết)

Hết tháng năm dī năm 1964

— Vợ chồng khai có hay không lập hôn-khế

ngày

tháng

năm

tại

Trích y bản chính

Bình-Lập

, ngày

7

tháng

5

xăm

1964

Viên-chức Hộ-tịch

Võ-văn-Nhi

H.V. Hải-Chánh

Chứng thực chữ ký tên của

Chủ Hộ-Dân số Bình-Lập

Long-An ngày 8 tháng 5 năm 1964

TƯ LỆNH

Trưởng Ủy Ban-Chánh

nl

ẤN LỆ PHỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM



GIẤY CHỨNG NHẬN
KẾT HÔN

Tỉnh, Thành phố
HỒ CHÍ MINH

Quận, Huyện

Xã, Phường

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quyền số 01-C.13.

Số 043

CHUNG NHẬN KẾT HÔN

Họ và tên người vợ LÊ THỊ THUẬN

Sinh ngày 16 - 02 - 1967

Quê quán

Nơi đăng ký thường trú 070¹ ĐIỆN

BIỆM KHU 2 10/0.10

Nghề nghiệp CÔNG NHÂN

Dân tộc KINH Quốc tịch VIỆT NAM

Số CMND hoặc Hộ chiếu 021625111

Họ và tên người chồng TRẦN QUANG TUÂN

Sinh ngày 15 - 11 - 1965

Quê quán

Nơi đăng ký thường trú 41/1 PHƯỜNG 107

LÊ VĂN LINH 2 13/0.4

Nghề nghiệp BUÔN BÁN

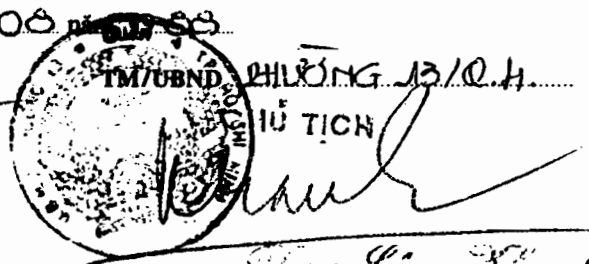
Dân tộc KINH Quốc tịch VIỆT NAM

Số CMND hoặc Hộ chiếu 022426109

Kết hôn ngày 04 tháng 08 năm 2003

Chữ ký người vợ

Chữ ký người chồng



Phường Công An

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

THẺ CĂN-CƯỚC

Số 02440668



Họ Tên

NGUYỄN-KIM-SANG

Ngày, nơi sinh

21-05-1942

Phụ-Nhuan, Gia-Dinh

Cha

Nguyễn-Văn-Dieu

Nguyễn-Thị-Nhan

Thị 24 Phan-Dinh-Phung Pleiku

Dấu vết riêng: **chạm trộm cách**
2 ngang bên khoe trái miệng

Cao: 1 th

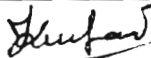
L8

Nặng:

45

Kg

Chữ ký đương sự:



PLEIKU

ngày

05.09.1969

TRƯỜNG-TY CSQG PLEIKU



TRẦN-VĂN-PHƯƠNG

Ngón

trái



ĐÔ-THÀNH SAIGON
TÒA HÀNH-CHÁNH QUẬN NHÌ

TVC

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH

Số : 1743-A/

Năm một ngàn chín trăm sáu mươi bảy (1967)

Tên họ đứa nhỏ. . .	LE THỊ THUẬN
Phối.	NỮ
Ngày sinh.	Mười sáu tháng hai năm một ngàn chín trăm sáu mươi bảy, 3 giờ 10'
Nơi sinh.	Saigon, 284 Cống Quỳnh
Tên, họ người Cha. . .	Lê Văn Tuy
Nghề-nghiep.	Thợ giày
Nơi cư-ngụ.	Saigon, 182/17 Đề Thám
Tên, họ người mẹ. . .	Đào thị Lụa
Nghề-nghiep.	Nội trợ
Nơi cư-ngụ.	Saigon, 182/17 Đề Thám
Vợ chánh hay thứ. . .	Vợ chánh

TRÍCH-LỤC Y BỐN CHÁNH:

Saigon, ngày 27 tháng 2 năm 1967

T.U.N. BỘ THƯỜNG SAIGON

QUẢN-TRƯỞNG QUẬN NHÌ,



CHỖNG HỮNG QUÊ

ỦY BAN NHÂN DÂN

Xã, phường _____

Huyện, Quận _____ Phủ Nhượng

Tỉnh, Thành phố _____

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

TP/HT

Số 453

Quyền



GIẤY KHAI SINH

(BẢN SAO)

Họ và tên NGUYỄN KIM SANG Nam hay nữ NỮ

Ngày, tháng, năm sinh LE 21 MAI 1942

Nơi sinh Phủ Nhượng

Dân tộc -- Quốc tịch --

Phần khai về cha, mẹ	Người mẹ	Người cha
Họ và tên	<u>NGUYỄN THỊ NHÀN</u>	<u>NGUYỄN VĂN ĐIỀU</u>
Tuổi		
Dân tộc		<u>--</u>
Quốc tịch		
Nghề nghiệp		
Nơi thường trú	<u>Sài Gòn</u>	<u>S-</u>

Họ tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh thư của người đứng khai

NGUYỄN VĂN ĐIỀU

1914 Sài Gòn

Đăng ký ngày 22 tháng 5 năm 1942

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN

Người đứng khai

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 21 tháng 09 năm 1988

T/M UBND QPH

ý tên, đóng dấu VĂN PHÒNG



Nguyễn Lữ An

KHAI SANH

Nhờ in KHÁNH-QUYNH 23 Bình-Đinh-Huê

Họ và tên đầu nhi:	TRẦN QUANG-THÂN
Phái:	Nam
Sinh:	Mười lăm, tháng mười một, năm một
(Ngày, tháng, năm)	ngàn chín trăm sáu mươi lăm.
Tại:	16, Đường-Xiết-Mưu
Cha:	TRẦN VĂN-THÔNG
(Họ và tên)	
Tuổi:	Ba mươi tuổi (30 tuổi)
Nghề nghiệp	Sĩ-quan Quân-lực V.N.C.H.
Cư-trú tại	40, Nguyễn-Trụ-Huê
Mẹ:	NGUYỄN KIM-SANG
(Họ và tên)	
Tuổi:	Hai mươi ba tuổi (23 tuổi)
Nghề nghiệp	Nội-tư
Cư-trú tại	40, Nguyễn-Trụ-Huê
Vợ:	CHUỖA
(Chánh hay thứ)	
Người khai:	TRẦN VĂN-THÔNG
(Họ và tên)	
Tuổi:	Ba mươi tuổi (30 tuổi)
Nghề nghiệp	Sĩ-quan Quân-lực V.N.C.H.
Cư-trú tại:	40, Nguyễn-Trụ-Huê
Ngày khai:	Mười sáu, tháng mười một, năm một
	ngàn chín trăm sáu mươi lăm.
Người chứng thứ nhất:	TRẦN THỊ NHƯ-LANG
(Họ và tên)	
Tuổi:	23 tuổi
Nghề nghiệp	Sĩ-quan
Cư-trú tại:	40, Nguyễn-Trụ-Huê
Người chứng thứ hai:	TRẦN THỊ CẨM-NHANG
(Họ và tên)	
Tuổi:	27 tuổi
Nghề nghiệp	Công-chức
Cư-trú tại:	40, Nguyễn-Trụ-Huê

Chữ nhận chữ ký của

23 11

Nơi làm tại: PHÚ LỊCH ngày 16 / 11 / 1965

Người khai: PHÙNG TRICH-LỰC

TRẦN VĂN-THÔNG

Ngày 22 tháng 11 năm 1965

Nhân chứng: LÊ THỊ NHƯ-LANG

TRẦN THỊ CẨM-NHANG

PHÚ NINH HUY

TRẦN-QUỐC-KY



TRÍCH-LỤC ÁN NGUYÊN ĐƠN TÒA

Ngày 7 tháng 7 năm 19 64

Số 3163/HD

Án thế-vi khai-sanh cho

TRẦN-THỊ-THU-ĐƯƠNG

Tòa SƠ-THẨM xử về việc

Hội trong phiên nhóm công khai

ngày 7 tháng 7 năm 19 64

có mặt các Ông:

Chánh-Án :

Biện-Lý :

Lục-Sự :

TÔN-THẤT-HIỆP

NGUYỄN-ĐẠI-SƯ

PHẠM-VĂN-LAI

đã tuyên bản án như sau:

BẢN ÁN — TÒA ÁN

Chiếu đơn của Nguyễn-Văn-Thông và Nguyễn-Văn-Sang

BỞI CÁC LÊ ẤY:

Chứng nhận:

Trần-Văn-Thông và Nguyễn-Văn-Sang
nhân trẻ ấy là con,

Phản rằng Trần-THỊ-THU-ĐƯƠNG, nữ, sinh ngày 7.5.1961
tại Phú-Thiện - Gia-Dinh con của Trần-Văn-Thông và
Nguyễn-Văn-Sang,

hội rằng kể từ nay trẻ này là con tự sanh
được chính-thức-hóa do sự nhìn nhận và chấp hừa thân trong
lì con chung sau ngày lập hôn thú của Trần-Văn-Thông và
Nguyễn-Văn-Sang, thế-vi khai-sanh cho

Truyền ghi đoạn phán-quyết án này vào sổ khai-sanh đương-niên

Phú-Thiện, Gia-Dinh - Gia-Dinh

Truyền-biên án này vào lễ tờ khai-sanh gần nhất ngày

trên-trừ tại

7.5.1961

MUI KÉ TRÊN

và tại Phòng Lục-Sự Tòa Án sở tại.

Truyền nguyên-dơn chịu án-phí

Án này thảo, thẩm và tuyên vào ngày, tháng và năm ghi trên.

Ký tên:

Trước-ba tại

ngày

Quyền

Tờ

Thấu

Số

147/12

TRÍCH Y BẢN CHÁNH

ngày

tháng

năm 197

CHUYÊN SỰ

15/5

PHẠM-VĂN-VANG



GIÁ TIỀN	
Con niêm...	50 \$ 00
Bằng lộc...	5 \$ 00
Biên-lai...	1 \$ 00
Cộng chung:	56 \$ 00

KHAI-SANH

Số hiệu: 136P

Tên họ ấu-nhi :	TRẦN-THỊ-THU-THẢO
Phái :	NỮ
Sinh :	Ngày mười tháng chín năm một ngàn chín trăm sáu mươi bảy (10-9-1967)
Tại :	Kontum
Cha : (tên họ)	TRẦN-VAN-THÔNG
Tuổi :	32 tuổi
Nghề-nghiệp :	Sĩ-Quan Quân-Lực VCH
Cư trú tại :	Kontum
Mẹ : (tên họ)	NGUYỄN-KIM-SANG
Tuổi :	25 tuổi
Nghề-nghiệp :	Nội-trợ
Cư trú tại :	Kontum
Vợ : (chánh hay thứ)	Chánh
Người-khai : (tên họ)	TRẦN-VAN-THÔNG
Tuổi :	32 tuổi
Nghề-nghiệp :	Sĩ-Quan Quân-Lực VCH
Cư trú tại :	Kontum
Ngày khai :	Mười một tháng chín năm một ngàn chín trăm sáu mươi bảy (11-9-1967)
Người chứng thứ nhất : (tên họ)	NGUYỄN-VAN-MO
Tuổi :	33 tuổi
Nghề-nghiệp :	Công-Ô-nhà
Cư trú tại :	Kontum
Người chứng thứ nhì : (tên họ)	VÕ-MINH-CHÂU
Tuổi :	35 tuổi
Nghề-nghiệp :	Sĩ-Quan Quân-Lực VCH
Cư trú tại :	Kontum

TRÍCH-LỤC

Văn bản Bộ KHAI-SANH
của Bộ Trưởng KONTUM

ngày 19/9/67

CHỖ KHAI-SANH

CHỖ-TỊCH



Lập tại Xã: CHÂU-THÀNH, ngày 11 tháng 9 năm 1967

Người khai,

Hộ-lại,

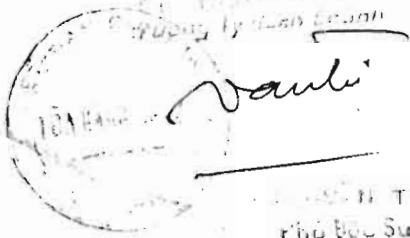
Nhân chứng

TRẦN-VAN-THÔNG

NGUYỄN-VAN-MO

VÕ-MINH-CHÂU

Chứng thực chủ tịch của Ủy ban
Tích ủy Ban Hành chính
Xã Châu Thành
ngày 11/9/67



Phó Ban Sự

TRÍCH - LỤC BỘ KHAI - SANH

Tỉnh : PLEIKUQuận : Lê-TrungXã Hội-Thương Hội-PhủSố hiệu : 3702Lập ngày 22 tháng 9 năm 1973Tên họ đứa trẻ : Trần-thị-thu-Trung.Con trai hay con gái : NữNgày sanh : Mười sáu tháng chín năm một nghìn
chín trăm bảy mươi ba (16-9-1973)Nơi sanh : Hội-Thương Hội-Phủ, Lê-Trung PleikuTên họ người cha : Trần-văn-Thông.Tên họ người mẹ : Nguyễn-kim-SangVợ chánh hay không có hôn-thú : ChánhTên họ người đứng khai : Trần-văn-Thông

TRÍCH-LỤC Y BẢN CHÍNH

Lập tại Hội-Thương Hội-Phủ ngày 22 tháng 9 năm 1973

Viên-Chức Hộ-Tịch,

THÀNH PHỐ HỒ-CHÍ-MINH

Quận.....

Phường (Xã).....

BẢN SAO GIẤY KHAI SANH

Năm 19-76

Số 419

Họ, tên	TRẦN QUANG THÁI
Gái hay trai	NAM
Ngày, tháng, năm sinh	Chín tháng hai năm một ngàn chín trăm bảy mươi sáu
Nơi sinh	Bảo Sanh Hữu Đức
Họ, tên, tuổi, quốc tịch người cha	TRẦN VĂN THÔNG 41 tuổi Việt Nam
Nghề nghiệp, chỗ ở người cha	Công nhân, 107/41 Lê Văn Linh
Họ, tên, tuổi, quốc tịch người mẹ	NGUYỄN KIM SANG 34 tuổi Việt Nam
Nghề nghiệp, chỗ ở người mẹ	Nội trợ, 107/41 Lê Văn Linh

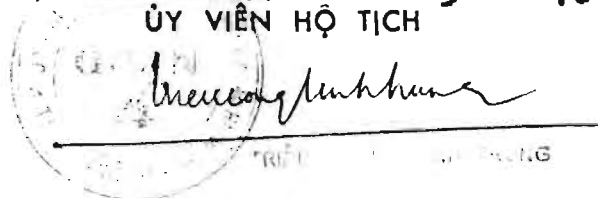
Làm tại QUẬN TƯ ngày 12 tháng 2 năm 19-76

CHÚ THÍCH :

SAO LỤC

Thành phố Hồ-Chí-Minh, ngày 4 tháng 3 năm 19-76

ỦY VIÊN HỘ TỊCH



QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS

CÂU HỎI CHO NGƯỜI NỘP ĐƠN

ODP IV

Date: August 1, ..., 1986

Ngày:

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Mail or send the completed questionnaire to:
Gửi số câu hỏi này tới:

Xin Điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt. Nếu bạn không đọc hoặc viết rành Anh-ngữ thì bằng tiếng Việt.

127 Panjabber Building

Sathorn Tai Road

Bangkok 10120

Thailand

TỔ CÔNG-TÁC VIỆT-NAM

6-CHU-VAN-AN

HÀ-NỘI

A. Basic Identification Data/Lý lịch căn-bản

1. Name/Họ, tên : NGUYEN KIM SANG Sex: Female/Phái

2. Other Names/Họ, tên khác : None

3. Date/Place of Birth/Ngày/Nơi Sinh : May 21, 1942, Phu Thuan, Haiphong

4. Residence Address/Địa-chỉ thường-trú : 41/1 Lê Văn Linh, CX Thủ Đức, Quận 7, TP Hồ Chí Minh

5. Mailing Address/Địa-chỉ thư-tử : 135/13 Trần Hưng Đạo, Phường 20, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

6. Current Occupation/Nghề-nghiệp hiện tại : Housewife

B. Relatives To Accompany Me/Hà con cùng đi với tôi

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)
(Chú ý: Vợ/chồng và con cái chưa lập gia đình là những người duy nhất có thể cùng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia đình như sau: Đã lập gia đình (M), Đã ly dị (D), góa phụ/góa chồng (W), hoặc độc thân (S))

Name/Họ, Tên	Date of Birth/Ngày/Tháng/Năm sinh	Place of Birth/Nơi sinh	Sex/Phái	MS/Tình trạng gia đình	Relationship/Liên-hệ gia đình
1. TRAN THI THU HUONG	5.7.61	Haiphong	F	S	Daughter
2. TRAN QUANG TUAN	11.15.65	Hue	M	S	Son
3. TRAN THI THU THAO	9.19.67	Honai	F	S	Daughter
4. TRAN QUANG THIEU	3.19.69	Phoiku	M	S	Son
5. TRAN THI THU TRANG	2.16.73	Phoiku	F	S	Daughter
6. TRAN QUANG THAI	2.9.76	Saigon	M	S	Son
7. LÊ THỊ THUẬN	16.2.1967	Saigon (Hu)			(Con dâu)
8.					
9.					
10.					
11.					
12.					

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced), spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

(CHÚ-Y: Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai-sinh, giấy-thú (nếu lập gia đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa chồng), thẻ căn cước (nếu có), và ảnh. Nếu bà con không cùng đi với bạn không chung-ngủ với bạn hiện tại, xin viết địa-chỉ của họ ở ông phần I.)

C. Relatives Outside Vietnam/Họ Bàng ở Ngoại Quốc

Of Myself/của tôi

Of My Spouse/của vợ/chồng

1. Closest Relative in the U.S.
Bà con thân thuộc nhất ở Hoa-Kỳ

a. Name
Họ, Tên : TRAN THI KIEN HO

b. Relationship
Liên-hệ gia-đình : Friend

c. Address
Địa-chỉ

D. Date of Relatives Arrival
in the U.S. August 1 - 1977
Ngày bà con đến Mỹ :

2. Closest Relative in Other Foreign Countries
Bà con Thân-thuộc nhất ở các nước khác

a. Name
Họ, tên : None

b. Relationship
Liên-hệ gia-đình :

c. Address
Địa-chỉ :

D. Complete Family Listing (Living/Dead)/Danh Sách Toàn-Thả Gia-Dình (Sống/Chết)

1. Father
Cha : Nguyen van Dieu (dead)

2. Mother
Mẹ : Nguyen Thi Nhan (dead)

3. Spouse
Vợ/Chồng : TRAN VAN THONG (dead)

4. Former Spouse (if any)
Vợ/Chồng trước (nếu có):

5. Children
Con cái:

- (1) Tran thi thu huong (living)
- (2) Tran Quang Tuan (living)
- (3) Tran Quang Tuan (living)
- (4) Tran Thi Thu Thao (living)
- (5) Tran Quang Thieu (living)
- (6) Tran Thi Thu Tran (living)
- (7) Tran Quang Thai (living)
- (8) LÊ THỊ THUẬN (Con dâu)
- (9)

6. Siblings
Anh chị em:

- (1) Phạm Thị Giau (living)
- (2)
- (3)
- (4)
- (5)
- (6)
- (7)
- (8)
- (9)

Employment by U.S. Government Agencies or Other U.S. Organization of you or your Spouse/Ban hoặc vợ/chồng là cơ quan việc của công-sở của chính-phu Mỹ hoặc hãng Mỹ

1. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: To:
Thời-gian làm-việc Từ Đến : _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

2. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: To:
Thời-gian làm-việc Từ Đến : _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý-do nghỉ-việc : _____

3. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: To:
Thời gian làm việc Từ Đến : _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

F. Service with GVN or RVNAF By You Or Your Spouse/Ban hoặc Vợ/Chồng đã Công-vụ với Chính-phu Việt-Nam

1. Name of Person Serving
Họ tên người tham-gia: TRAN VAN THONG

2. Dates: From: To: April 30, 1975
Ngày, tháng, năm Từ Đến

3. Last Rank, Major, Company Leader, Recon Serial Number:
Cấp-bậc cuối-cung tly 23 th Division HQ Số thẻ nhân-viên:
Commander, RVNAF

4. Ministry/Office/Military Unit
Bộ/sở/Đơn-Vị Quân-Chúng Headquarters, 23 th Division, RVNAF

5. Name of Supervisor/C.O.
Họ tên người giám-thị/sĩ-quan Le Trung Tuong, Brigadier General
chỉ-huy

6. Reason for Separation
Lý do nghỉ việc:

The Historic Event of April 30, 1975

7. Names of American Advisor(s):
Họ tên cố-vấn Mỹ:

8. U.S. Training Courses in Vietnam:
Chương-Trình huấn-luyện Hoa-Kỳ
tại Viet-Nam:

9. U.S. Awards or Certificates

Name of award:

Date received:

Phần-thưởng hoặc giấy khen:

Ngày nhận:

(NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available.
Available? Yes ☐ No ☐.)

(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo bất cứ văn-bằng, giấy khen, hoặc chứng-thư nếu có.
Đường sự có không? Có ☐ Không ☐.)

G. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse/Bạn hoặc Vợ/chồng đã huấn-luyện ở
ngoại quốc

1. Name of Student/Trainee:

Họ tên Sinh-viên/người được huấn-luyện:

2. School and School Address:

Trường và địa-chỉ nhà trường:

3. Dates:

From

To

Ngày, tháng, năm

Từ:

Tới:

4. Description of Courses:

Mô-tả ngành học:

5. Who paid for training?

AI đài-thọ chương-trình huấn-luyện:

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available? Yes ☐ No ☐.)

(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo văn-bằng, hoặc chỉ thị nếu có. Bạn có hay không? Có ☐ Không ☐.)

H. Re-education of You or Your Spouse/Bạn hoặc Vợ/chồng đã học-tập cải-tạo

1. Name of Person in Reeducation:

Họ tên người đi học-tập cải-tạo:

TRAN VAN THONG

2. Time in Reeducation:

From 6.10.1975

To:

August 16, 1981 (6 years and two months)

3. Still in Reeducation?

Yes

No

Vẫn còn học-tập cải-tạo?

Có

Không

*(If released, we must have a copy of your release certificate.)

*(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.)

I. Any Additional Remarks?/Ghi chú phụ-thuộc:

My husband was released in the reeducation camp of Tam Son, Dien Hong, on August 16, 1981 after more than six years he had served in re-education camp. I am making this application to request that my six unmarried children be granted the special favor reserved for spouses and children of former long term re-education prisoners who are at present, of special humanitarian concern to the U.S. in its current migration policy.

Signature

Date

Ký tên: Nguyễn Kim Sang

Ngày:

August 1, 1988

J. Please List Here All Documents Attached to This Questionnaire

K. Please List Here All Documents Attached to This Questionnaire

Xin nêu ra tất cả giấy-tờ kèm theo với câu hỏi này

1. Birth Information

2. Marriage certificate

3. Birth certificates for myself and my six children

4. Photo Copy of birth, marriage and family book of children

5. Pre-1975 and post-1975 ID Cards for myself

6. People's ID Card for my children

Nguyễn Kim Sang
(Vợ)



Trần Thị Uen Hương
(Con)



Trần Quang Tuấn
(Con)



Trần Thị Uen Thảo
(Con)



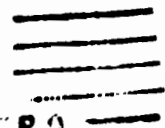
Trần Quang Tiến
(Con)

Trần Thị Uen Trang
(Con)

Trần Quang Thái
(Con)

Lê Thị Thuận
(Con dâu)

XE



Thân nhân
chết trong trại

Kính gửi BÀ KHUÊ MINH THO
CHỦ TỊCH HỘI TÂN NHÂN CHÍNH TRỊ
VIETNAM (FAMILIES OF VIETNAMESE
POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION)
- PO. BOX 5435 - ARLINGTON
V.A. 22205-0635

USA

C O N T R O L

____ Card
____ ~~Doc. Request; Form~~ 5/30/89
____ Release Order
____ Computer
____ Form "D"
____ ODP/Date _____
____ Membership; Letter